UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 37 /2016/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 23 tháng 6 năm 2016*

TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI
ĐẾN Số: 2563
Ngày: 28/6/2016
Chuyển: KTN
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 44/2008/QĐ-TTg ngày 26/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 37 /2016/QĐ-UBND ngày 23 /6/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định chính sách ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai;

b) Các nội dung liên quan khác đến ưu đãi đầu tư tại Khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai không quy định trong Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Phạm vi hành chính Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai

Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có phạm vi hành chính theo qui định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Các khu kinh tế trọng điểm thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai

Các khu kinh tế trọng điểm thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, gồm:

1. Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành là khu phi thuế quan trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, có các đặc điểm sau:

a) Được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Là khu vực địa lý có ranh giới xác định;

c) Được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng;

d) Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa Khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu;

đ) Có cổng và cửa ra, cửa vào bảo đảm điều kiện cho công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan Hải quan và các cơ quan chức năng khác có liên quan, có tổ chức Hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa và phương tiện ra, vào Khu.

Căn cứ Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 127/TTr-SKH ngày 30/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 72/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Lào Cai; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công báo Lào Cai ;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TM, TH, TNMT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

e) Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư;

g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật đầu tư năm 2014;

h) Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.

1.2. Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;

1.3. Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

1.4. Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư) hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Trường hợp chuyển nhượng dự án thuộc diện Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 của Luật Đầu tư năm 2014 kèm theo hợp đồng chuyển nhượng dự án để điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện dự án.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng

Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư phát triển từ ngân sách, vốn tín dụng ưu đãi và áp dụng các phương thức huy động vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật để xây dựng, phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

Chương II
ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU LÀO CAI

Mục 1
ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 7. Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước

1. Đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, song không thuộc các khu dân cư, đô thị trọng tâm (phường Cốc Lếu, Kim Tân, Duyên Hải, Phố Mới, Lào Cai thành phố Lào Cai) thì được hưởng ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước như sau:

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư;

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với các dự án đầu tư thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư;

2. Các khu công nghiệp gồm: Khu công nghiệp Đông Phố Mới, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai; Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai.

3. Các khu dân cư, đô thị trọng tâm gồm: Phường Duyên Hải, phường Phố Mới, phường Kim Tân, phường Lào Cai thành phố Lào Cai.

Điều 4. Chính sách khai thác, sử dụng công trình kết cấu hạ tầng

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong Khu phải trả tiền sử dụng hạ tầng.

2. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được tổ chức quản lý, khai thác và thu tiền sử dụng hạ tầng của các Nhà đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đối với các công trình do mình đầu tư xây dựng, được tổ chức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội chung trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và thu tiền sử dụng hạ tầng của các nhà đầu tư trong Khu theo mức giá do UBND tỉnh Lào Cai quy định để đầu tư cho việc duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ của các công trình hạ tầng này và thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền chuyển nhượng dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai cho Nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1.1. Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2014, cụ thể như sau:

a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án;

b) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp;

c) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;

d) Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 47 Luật Đầu tư năm 2014 mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động;

đ) Nhà đầu tư bị UBND tỉnh Lào Cai thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư;

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong các Khu qui định tại Điều này không phải trả tiền đền bù, giải phóng mặt bằng;

2. Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong các Khu qui định tại Điều này phải nộp chi phí san tạo mặt bằng (nộp một lần) theo đơn giá nộp tiền san tạo mặt bằng cho 1m^2 với đơn vị tính bằng tiền Đồng Việt Nam.

- Đơn giá nộp tiền san tạo mặt bằng cho 1m^2 được tính theo công thức sau đây: $g = p \times k$; trong đó:

g: Giá nộp tiền san tạo mặt bằng cho 1m^2;

k: Chỉ số giá phần xây dựng trung bình được Sở Xây dựng Lào Cai công bố theo từng tháng, quý, năm, được xác định tại thời điểm gần nhất trước đó so với thời điểm điều chỉnh dự án và phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án (nếu chậm nộp trong trường hợp k tăng thì tính lại đơn giá với k tại thời điểm nộp);

p: Đơn giá san tạo mặt bằng tại thời điểm năm 2015; cụ thể như sau:

+ Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành: 358.037 đồng/m^2;

+ Khu Công nghiệp Bắc Duyên Hải: 310.681 đồng/m^2;

+ Khu Công nghiệp Đông Phố Mới: 349.251 đồng/m^2.

3. Các trường hợp phải điều chỉnh lại giá san tạo mặt bằng theo quy định tại Khoản 2 của Điều này, cụ thể như sau:

- Các dự án chậm tiến độ do nguyên nhân chủ quan của Nhà đầu tư mà nhà đầu tư đề xuất gia hạn.

- Các dự án đã được Cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa nộp tiền san tạo mặt bằng.

- Các dự án được mở rộng diện tích do cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch.

4. Nhà đầu tư thuê đất thuộc diện tích chưa san tạo để xây dựng cơ sở kinh doanh dịch vụ thì không phải nộp chi phí san tạo mặt bằng quy định tại Khoản 2 Điều này và tổ chức san tạo mặt bằng theo dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

Điều 10. Cơ quan giải quyết thủ tục thuê đất

Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai là cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh Lào Cai giới thiệu địa điểm đất, làm thủ tục cho thuê đất và thực hiện việc quản lý đất đai đối với các dự án nằm trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

Mục 2

ƯU ĐÃI VỀ THUẾ VÀ HỖ TRỢ KHÁC

Điều 11. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

c) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 11 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với các dự án đầu tư không thuộc quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này;

d) Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, song không thuộc các khu dân cư, đô thị trọng tâm khi thuê đất, thuê mặt nước, ngoài được hưởng các ưu đãi quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này còn được giảm 70% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo đơn giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng tại huyện có mức giá thuê đất, thuê mặt nước thấp nhất trong địa bàn tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Lào Cai tính từ năm nhà đầu tư hết thời gian được hưởng ưu đãi nêu tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này trở đi.

2. Đối với các dự án đầu tư thuộc các khu dân cư, đô thị trọng tâm thì chỉ áp dụng ưu đãi đối với các dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, cụ thể:

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Không áp dụng ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án không thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

3. Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ngành, nghề ưu đãi đầu tư chiếu theo Phụ lục số 01 đính kèm Quyết định này.

Điều 8. Ưu đãi về thu tiền sử dụng đất

1. Đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, song không thuộc các khu dân cư, đô thị trọng tâm (các phường: Cốc Lếu, Kim Tân, Duyên Hải, Phố Mới, Lào Cai thuộc thành phố Lào Cai) thì được hưởng ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước như sau:

a) Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư;

b) Giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư;

c) Giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với các dự án không thuộc Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này.

2. Đối với các dự án đầu tư thuộc các khu dân cư, đô thị trọng tâm thì chỉ áp dụng ưu đãi đối với các dự án thuộc ngành, nghề đặc đặc biệt ưu đãi đầu tư, cụ thể:

a) Giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án thuộc ngành, nghề đặc đặc biệt ưu đãi đầu tư;

b) Không áp dụng ưu đãi đối với các dự án không thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

Điều 9. Hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng, san tạo mặt bằng tại Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành; Khu công nghiệp Đông Phố Mới; Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải.

1.3. Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng quy định tại điểm a và điểm b khoản này nếu thuộc một trong hai điều kiện sau:

a) Là linh kiện, chi tiết, bộ phận của thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải được nhập khẩu ở dạng rời;

b) Là linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện nhập khẩu để lắp ráp, kết nối các máy móc, thiết bị lại với nhau để đảm bảo hệ thống máy móc, thiết bị được vận hành bình thường.

1.4. Nguyên liệu, vật tư trong nước chưa sản xuất được dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc quy định tại điểm a khoản này. Trong đó, nguyên liệu, vật tư trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nêu tại điểm này thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.5. Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được. Trong đó, vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nêu tại điểm này thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế công nghệ, đổi mới công nghệ.

2. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai (trừ các dự án sản xuất các sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, sản phẩm điện tử, điện lạnh và những mặt hàng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất.

Việc xác định nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được làm căn cứ miễn thuế thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT ngày 13/8/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

3. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành được quy định riêng tại Điều 16 Quy định này.

Chương III

ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TẠI KHU THƯƠNG MẠI CÔNG NGHIỆP KIM THÀNH – KHU PHI THUẾ QUAN

Điều 14. Loại hình kinh doanh chủ yếu trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành

1. Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 (mười lăm) năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

2. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 09 (chín) năm tiếp theo.

3. Thời gian áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có doanh thu.

Thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 (ba) năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Điều 12. Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân

Người Việt Nam và người nước ngoài trực tiếp làm việc, sản xuất kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có thu nhập từ việc làm, sản xuất kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân được giảm 50% số thuế phải nộp.

Điều 13. Ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai (trừ Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành - khu phi thuế quan) được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm:

1.1. Thiết bị, máy móc nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với lĩnh vực đầu tư, mục tiêu, qui mô của dự án đầu tư;

b) Đáp ứng các qui định về tài sản cố định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

1.2. Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ trong nước chưa sản xuất được; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy. Trong đó:

a) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nêu tại điểm này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BKHĐT ngày 13/8/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được.

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nêu tại điểm này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BKHCN ngày 18/02/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xác định phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ.

nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu;

b) Hàng hóa sản xuất và được tiêu thụ trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành thuộc đối tượng không chịu thuế;

c) Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, trừ hàng hoá thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành quy định tại Mục II Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quy định này;

d) Hàng hóa từ các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai và hàng hóa từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, trừ trường hợp hàng hóa là vật liệu xây dựng từ nội địa Việt Nam hoặc từ các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đưa vào Khu TMCN Kim Thành để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong Thương mại Công nghiệp Kim Thành được miễn thuế xuất khẩu;

e) Hàng hóa từ Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai hoặc đưa vào tiêu thụ trong nội địa Việt Nam chịu thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành, trừ hàng hoá đã chịu nhập khẩu quy định tại Điểm c Khoản này;

g) Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu; trường hợp có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài thì khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu tính trên phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong hàng hóa đó. Việc xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa nhập vào nội địa Việt Nam thực hiện như sau:

g.1) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành nhập khẩu vào nội địa đã có đăng ký với cơ quan Hải quan về danh mục hàng hóa nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu, linh kiện sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa và định mức nguyên liệu, linh kiện dùng để sản xuất hàng nhập khẩu trước khi nhập vào nội địa Việt Nam thì việc xác định thuế nhập khẩu phải nộp căn cứ vào số lượng, mức thuế suất của mặt hàng nhập khẩu vào nội địa Việt Nam và trị giá tính thuế tính trên phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa nhập khẩu vào nội địa Việt Nam;

g.2) Trường hợp không xác định được trị giá tính thuế theo quy định tại điểm g.1 khoản này thì cơ quan hải quan ấn định thuế đối với phần nguyên liệu, linh kiện cấu thành trong mặt hàng nhập khẩu vào nội địa Việt Nam theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và trị giá hải quan.

i) Đối với hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành nếu đủ điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thì được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu

Các loại hình kinh doanh chủ yếu trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành là các hoạt động trên các lĩnh vực thương mại đặc biệt, thương mại công nghiệp, thương mại tự do và các hoạt động khác, có quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu như:

1. Sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp và đóng gói hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu và hàng phục vụ tại chỗ;

2. Xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập - tái xuất, chợ cửa khẩu, bán hàng miễn thuế;

3. Phân loại, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, kho tàng, vận tải, bảo hiểm, logistics, bưu chính, viễn thông, ngân hàng;

4. Hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm, chi nhánh, Văn phòng đại diện; các hoạt động thương mại khác.

Điều 15. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ của Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành

1. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành với nội địa là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu và phải thực hiện các thủ tục hải quan theo pháp luật Hải quan Việt Nam. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành với nước ngoài được xem như quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với nước ngoài.

2. Các tổ chức kinh tế hoạt động trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm.

3. Hàng hoá gia công, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu qua Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về gia công, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Hàng hoá vận chuyển giữa Việt Nam với Trung Quốc qua Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành được tiến hành theo quy định hiện hành của mỗi nước và phù hợp với Hiệp định liên quan đã ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc.

Điều 16. Chính sách ưu đãi áp dụng riêng đối với Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành

Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành ngoài được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai quy định chung như trên, còn được hưởng chính sách đặc thù riêng biệt, cụ thể:

1. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành:

a) Hàng hóa từ Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành xuất khẩu ra

nước ngoài vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành quy định tại Mục II Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quy định này.

d) Hàng hóa từ các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai và hàng hóa từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ và trừ hàng hoá từ nội địa xuất khẩu vào khu phi thuế quan không được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng;

e) Hàng hóa từ Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai hoặc đưa vào tiêu thụ trong nội địa Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ hàng hoá đã chịu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điểm b, c, d Khoản này;

g) Việc khấu trừ, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt và các nội dung khác liên quan đến hàng hoá, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 17. Quy định về bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành

1. Khách tham quan du lịch Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành được mua hàng nhập khẩu miễn thuế mang vào nội địa với trị giá hàng hoá không quá 1.000.000 (một triệu) đồng/1 người/1 ngày; trường hợp trị giá hàng hoá vượt quá 1.000.000 đồng/1 người/1 ngày thì khách tham quan du lịch phải làm thủ tục hải quan và kê khai nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với phần hàng hoá vượt định mức miễn thuế theo quy định tại Thông tư số 128/2013/TT-BTC.

2. Danh mục mặt hàng không bán miễn thuế cho khách tham quan du lịch Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành và danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành (bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng) được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư đang được hưởng chính sách ưu đãi cao hơn so với quy định tại Quy định này, nếu đáp ứng đủ điều kiện về ưu đãi thì được tiếp tục hưởng ưu đãi ghi trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư cho thời gian còn lại. Trường hợp ưu đãi ghi trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư thấp hơn mức ưu đãi quy định tại Quy định này thì được hưởng mức ưu đãi theo quy định của Quy định này áp dụng cho thời gian còn lại trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Quy định này.

đó theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

k) Thủ tục hải quan, quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là Thông tư số 128/2013/TT-BTC).

2. Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng:

a) Hàng hóa, dịch vụ từ Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;

b) Hàng hóa, dịch vụ sản xuất và được tiêu thụ trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;

c) Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, trừ hàng hoá thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành quy định tại Mục II Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quy định này;

d) Hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%, trừ trường hợp: hàng hoá, dịch vụ không được áp dụng thuế giá trị gia tăng 0% theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13) và các văn bản hướng dẫn thi hành;

e) Hàng hóa, dịch vụ từ Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai hoặc đưa vào tiêu thụ trong nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

3. Ưu đãi về thuế tiêu thụ đặc biệt:

a) Hàng hóa từ Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành xuất khẩu ra nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;

b) Hàng hóa sản xuất và được tiêu thụ trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ và trừ hàng hoá sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan không được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hàng rào cứng;

c) Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào và được tiêu thụ trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ:

c.1) Xe ô tô chở người dưới 24 chỗ;

c.2) Hàng hoá thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ

Phụ lục số 01

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số: 37 /2016/QĐ-UBND ngày 23 /6/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai)

A. NGÀNH, NGHỀ ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

1. Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao; ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học.

5. Sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.

6. Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải.

7. Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.

II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải tập trung.

2. Xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế.

3. Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ, đường sắt; cảng sông; và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị.

III. Y TẾ

1. Đầu tư kinh doanh cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

2. Trường hợp các Văn bản được trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 19. Qui định đối với nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư có dự án đầu tư trong Khu thương mại công nghiệp Kim Thành, Khu công nghiệp Đông Phố Mới và Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong các Khu quy định tại Điều 19 này ngoài được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư của Quy định này còn được bảo đảm thực hiện ưu đãi đầu tư được quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

2. Nhà đầu tư đăng ký dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ngành, nghề ưu đãi đầu tư sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành, Khu công nghiệp Đông Phố Mới, Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải được tham dự thầu đối với dự án do mình lập theo quy định của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư để bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 20. Triển khai thực hiện

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai là đầu mối phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các ý kiến kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai để tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai xem xét, quyết định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

3. Đầu tư cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá sinh khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc.

4. Đầu tư nghiên cứu chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc Đông y, thuốc cổ truyền và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc Đông y, thuốc cổ truyền.

5. Đầu tư kinh doanh thư viện công cộng, rạp chiếu phim.

IV. NGÀNH, NGHỀ KHÁC

1. Hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.

xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội; đầu tư xây dựng các khu

Phụ lục số 02

DANH MỤC MẶT HÀNG KHÔNG BÁN MIỄN THUẾ CHO KHÁCH THAM QUAN DU LỊCH VÀ DANH MỤC MẶT HÀNG CHỊU THUẾ NGAY KHI NHẬP KHẨU TỪ NƯỚC NGOÀI VÀO KHU THƯƠNG MẠI CÔNG NGHIỆP KIM THÀNH

(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số: 37 /2016/QĐ-UBND ngày 23 /6/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai)

I. DANH MỤC MẶT HÀNG KHÔNG BÁN MIỄN THUẾ CHO KHÁCH THAM QUAN DU LỊCH KHU THƯƠNG MẠI CÔNG NGHIỆP KIM THÀNH

1. Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm; thuốc lá lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.

2. Rượu.

3. Bia.

4. Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng.

5. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm^3.

6. Tàu bay, du thuyền.

7. Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác để pha chế xăng.

8. Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống.

9. Bài lá.

10. Vàng mã, hàng mã.

11. Trứng chim và trứng gia cầm nguyên vỏ, tươi, đã bảo quản, hoặc đã làm chín.

12. Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hoá học, ở thể rắn.

13. Muối (kể cả muối ăn và muối đã bị làm biến tính) và natri clorua tinh khiết, có hoặc không ở dạng dung dịch nước hoặc có chứa chất chống đóng bánh hoặc chất làm tăng độ chảy; nước biển.

II. DANH MỤC MẶT HÀNG CHỊU THUẾ NGAY KHI NHẬP KHẨU TỪ NƯỚC NGOÀI VÀO KHU THƯƠNG MẠI CÔNG NGHIỆP KIM THÀNH

1. Hàng hoá chịu thuế ngay khi nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành là các loại hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào

Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành, trừ hàng hoá nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư bao gồm:

a) Hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành;

b) Hàng hoá là nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư trong Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành.

2. Việc xác định hàng hoá nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư được căn cứ theo hướng dẫn về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư quy định tại Thông tư số 128/2013/TT-BTC./.